| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG**<br>**TỈNH BẮC GIANG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án: **18**/2023/DS- ST
Ngày 06/7/ 2023
*V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG – TỈNH BẮC GIANG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân :
1/ Bà Hoàng Thị Chung
2/ Ông Lã Văn Minh

***- Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Viết chung– Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Động.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 63/2022/TLST- DS, ngày 29/11/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng 3". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXX – ST, ngày 24 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2023/QĐXX – ST, ngày 23 tháng 5 năm 2023; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 08/2023/QĐXX – ST, ngày 14 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng A (viết tắt: A); Địa chỉ: Số 02 L, phường T, quận B, thành phố H; do ông Nông Văn T – Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng A Chi nhánh tại huyện S, tỉnh B II là người đại diện theo ủy quyền; Địa chỉ: Tổ dân phố số 3, thị trấn A, huyện S, tỉnh B; Có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Ngô Văn T, sinh năm 1975; Vắng mặt không lý do
Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1989; Vắng mặt không lý do
Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện S, tỉnh B.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

**1.** Trong đơn khởi kiện, các lời khai tiếp theo có trong hồ sơ đại diện nguyên đơn ông Nông Văn T trình bày:

Ngày 23/06/2020, ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị Y có ký hợp đồng vay vốn tại A Chi nhánh huyện S, B II – Phòng giao dịch xã C, số tiền cho vay theo hạn mức: 200.000.000đ, theo Hợp đồng tín dụng (HĐTD) số

2509LAV202001284. Ngày 30/08/2021, ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị Y nhận nợ 01 lần với dư nợ: 180.000.000đ, số giải ngân 2509LDS202102451. Hạn trả gốc 1 kỳ 30/08/2022, hạn trả lãi theo kỳ trả gốc

Tài sản tín chấp để vay vốn tại A chi nhánh huyện S là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ066742 do UBND huyện S cấp ngày 20/3/2019 cấp cho ông Ngô Văn T.

Trong quá trình vay vốn ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị Y không thực hiện đúng cam kết HĐTD với ngân hàng, đến nay HĐTD này đã quá hạn từ ngày 31/08/2022. Trong thời gian quá hạn Ngân hàng đã nhiều lần lên làm việc, lập biên bản với vợ chồng ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị Y nhưng không hợp tác trả nợ.

Kể từ ngày vay đến nay ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị Y chưa trả gốc, lãi; tính đến ngày 31/8/2022 toàn bộ số tiền gốc và lãi đã bị chuyển sang nợ quá hạn. Đến ngày 06/7/203, tổng dư nợ của ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị Y tại A chi nhánh huyện S, B II- PGD C.

+ Số dư gốc: 180.000.000đ

+ Số nợ lãi: 41.962.192đ

Tổng số tiền gốc + lãi tính là 221.962.192đ

Ngân hàng A chi nhánh huyện S, B II yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sơn Động giải quyết: Buộc ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị Y phải trả số tiền gốc 180.000.000đ, tiền lãi tính đến ngày 06/7/2023 là 41.962.192 đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 07/7/2023 đến khi ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị Y thanh toán hết khoản nợ tại Ngân hàng. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

**2**. Tại biên bản ghi lời khai bị đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày:

Ngày 23/06/2020, bà và ông Ngô Văn T có ký hợp đồng vay vốn tại A Chi nhánh huyện S, B II – Phòng giao dịch xã C, số tiền cho vay theo hạn mức: 200.000.000đ, theo Hợp đồng tín dụng (HĐTD) số 2509LAV202001284. Ngày 30/08/2021, ông Ngô Văn T và bà nhận nợ 01 lần với dư nợ: 180.000.000đ, số giải ngân 2509LDS202102451. Hạn trả gốc 1 kỳ 30/08/2022, hạn trả lãi theo kỳ trả gốc

Tài sản tín chấp để vay vốn tại A chi nhánh huyện S là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ066742 do UBND huyện S cấp ngày 20/3/2019 mang tên ông Ngô Văn T.

Trong quá trình vay vốn do làm ăn khó khăn nên gia đình bà không thực hiện đúng cam kết HĐTD với ngân hàng, đến nay HĐTD này đã quá hạn từ ngày 31/08/2022. Trong thời gian quá hạn Ngân hàng đã nhiều lần lên làm việc, lập biên bản với gia đình bà.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu gia đình bà trả nợ tiền gốc + lãi tính đến ngày 06/7/2023 là 221.962.192đ nhưng do làm ăn kinh tế khó khăn nên gia đình bà chưa có tiền trả, bà đề nghị Ngân hàng khoanh nợ gia thời hạn để trả dần. Ngoài ra bà không có ý kiến gì khác.

**3**. Bị đơn ông Ngô Văn T đi làm ăn vắng mặt tại nơi cư trú; Tòa án giao thông báo về việc thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, thông báo phiên họp và hòa giải, các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bà Y nhận để bà Y thông báo cho ông T được biết đến làm việc tại Tòa nhưng ông T không đến làm việc và cố tình dấu địa chỉ, nên Tòa án không thu thập được lời khai của ông Tới.

**4.** Tại phiên tòa Đại diện của Viện kiểm sát phát biểu về tố tụng và quan điểm việc giải quyết vụ án như sau:

*Về tố tụng*: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến kết thúc phần tranh luận chuyển vào nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông T, bà Y vắng mặt không có lý do là vi phạm về nghĩa vụ chấp hành pháp luật.

*Về giải quyết vụ án*: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 122, Điều 131; Khoản 2 Điều 212; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng A (viết tắng: A), Chi nhánh huyện S; buộc ông Ngô Văn T, bà Nguyễn Thị Y phải trả cho Ngân hàng A, chi Nhánh huyện S tiền gốc, lãi tính đến ngày 06/7/2023: Tiền gốc là 180.000.000đ + tiền lãi 41.962.192đ.

*Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Ngô Văn T, bà Nguyễn Thị Y còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất ông T, bà Y phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.*

*Về án phí*: Bà Nguyễn Thị Y trình bày thuộc hộ nghèo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh và không có đơn xin miễn án phí nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Hoàn trả Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên toà và lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

*1. Về tố tụng:*

A (viết tắt: Agribank), ủy quyền cho ông Đào Hữu B – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng A Chi nhánh tại huyện S, tỉnh B II là người khởi kiện và tham

gia tố tụng tại Quyết định số 2965/QĐ-HĐTV-PC ngày 27/12/2019 của Ngân hàng A; Ông Đào Hữu B ủy quyền lại cho ông Nông Văn T – Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng A Chi nhánh tại huyện S, tỉnh B II là người tham gia tố tụng tại Giấy ủy quyền số 265/UQ-NHNN ngày 05/4/2023 là đúng theo quy định tại Điều 138 của Bộ luật Dân sự, cần được chấp nhận.

Nguyên đơn ông Nông Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử vụ án vắng mặt theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Ngô Văn T, bà Nguyễn Thị Y vắng mặt không có lý do là vi phạm về nghĩa vụ chấp hành pháp luật; Do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt theo khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*2. Về quan hệ pháp luật tranh chấp*:

Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sơn Động giải quyết, buộc ông Ngô Văn T, bà Nguyễn Thị Y phải trả tiền gốc vay, yêu cầu tính lãi theo hợp đồng tín dụng; Vì vậy, quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" được xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*3. Về nội dung vụ án:*

3.1.Ngân hàng A, Chi nhánh huyện S khởi kiện ông Ngô Văn T, bà Nguyễn Thị Y yêu cầu trả khoản vay theo hợp đồng tín dụng do đến thời hạn chu kỳ trả nợ ông T, bà Y không trả nợ gốc và lãi. Do ông T, bà Y vi phạm cam kết trả nợ; Căn cứ vào Điều 35 và Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Ngân hàng có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết theo luật định.

3.2. Xét hợp đồng tín dụng: Theo hồ sơ, tài liệu trong hồ sơ vụ án thì ông Ngô Văn T, bà Nguyễn Thị Y có ký hợp đồng vay vốn tại A Chi nhánh huyện S, B II – Phòng giao dịch C hợp đồng tín dụng như sau:

Ngày 23/06/2020, bà Nguyễn Thị Y và ông Ngô Văn T có ký hợp đồng vay vốn tại A Chi nhánh huyện S, B II – Phòng giao dịch xã C, số tiền cho vay theo hạn mức: 200.000.000đ, theo Hợp đồng tín dụng (HĐTD) số 2509LAV202001284. Ngày 30/08/2021, ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị Y nhận nợ 01 lần với dư nợ: 180.000.000đ theo số giải ngân 2509LDS202102451. Hạn trả gốc 1 kỳ 30/08/2022, hạn trả lãi theo kỳ trả gốc

Tài sản tín chấp để vay vốn tại A chi nhánh huyện S là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ066742 do UBND huyện S cấp ngày 20/3/2019 cấp cho ông Ngô Văn T.

3.3. Về số tiền vay: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 2509LAV202001284 ngày 23/6/2020, do ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị Y ký vay vốn tại Ngân hàng A, Chi nhánh huyện S, tổng số tiền vay là 180.000.000đ. Trong quá trình vay vốn ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị Y không thực hiện đúng cam kết HĐTD với ngân hàng, đến nay HĐTD này đã quá hạn từ ngày 31/08/2022. Trong thời gian quá hạn Ngân hàng đã nhiều lần lên làm việc, lập biên bản với vợ chồng ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị Y nhưng không hợp tác trả nợ.

Kể từ ngày vay đến nay ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị Y chưa trả tiền gốc, lãi; đến ngày 31/8/2022 toàn bộ số tiền gốc và lãi đã bị chuyển sang nợ quá hạn. Đến ngày 06/7/203, tổng dư nợ của ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị Y tại A chi nhánh huyện S là: Số dư gốc: 180.000.000đ, số nợ lãi: 41.962.192đ; Tổng số tiền gốc + lãi là 221.962.192đ.

Từ những phân tích đánh giá nêu trên, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bên nguyên đơn Ngân hàng A, Chi nhánh tại huyện S, tỉnh B II, về việc yêu cầu bị đơn ông T, bà Y phải trả số tiền vay gốc và lãi tính đến ngày 06/7/2023, tiền gốc là 180.000.000đ, tiền lãi 41.962.192đ và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong nợ, theo quy định tại Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự.

*4. Về án phí:* Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, bà Y trình bày là hộ nghèo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh và không có đơn xin miễn án phí nên bà Y, ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Hoàn trả cho Ngân hàng A – Chi nhánh huyện S, tỉnh B II số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 117, Điều 122, Điều 131; Khoản 2 Điều 212; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

**1.** Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tại huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang II.

Buộc ông Ngô Ngô Văn T, bà Nguyễn Thị Y phải trả cho Ngân hàng A – Chi nhánh tại huyện S tiền gốc, lãi tính đến ngày 06/7/2023, cụ thể: Tiền gốc là 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng chẵn) + tiền lãi 41.962.192 (Bốn mươi mốt triệu, chín trăm sáu mươi hai nghìn, một trăm chín hai đồng).

*Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Ngô Văn T, bà Nguyễn Thị Y còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất ông Ngô Văn T, bà Nguyễn Thị Y phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.*

***2.*** Về án phí: Ông Ngô Văn T, bà Nguyễn Thị Y phải chịu 11.098.100đ phí DSST. Hoàn trả cho Ngân hàng A – Chi nhánh huyện S, tỉnh B II số tiền đã

nộp tạm ứng án phí là 5.052.000đ (Năm triệu, không trăm năm mươi hai nghìn đồng), theo biên lai số 0015444 ngày 25/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động.

Án xử sơ thẩm. Báo cho đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Sơn Động;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Toàn**